TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/ HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2023
(V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Cường.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lữ Văn Thành.

Ông Cụt Xuân Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lô Quốc Ất - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An *tham gia phiên tòa:* Ông Lô Văn Tim - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị L T M, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: Bản P, xã N M, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh V V K, sinh năm 1975 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Bản P, xã N M, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị L T M trình bày:*

- Về tình cảm: Chị L T M và anh V V K sau một thời gian tìm hiểu yêu thương thì kết hôn năm 2004 và đăng ký kết hôn tại UBND xã N M, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An vào ngày 07 tháng 7 năm 2004 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, anh K nghiện ma túy, thường

xuyên say sỉn, không quan tâm chăm lo gia đình. Hiện nay anh K đang đi chấp hành án phạt tù ở trại giam Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, chị M làm đơn đề nghị giải quyết cho chị M được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Chị M và anh V V K có 03 con chung là cháu V T H N sinh ngày 20/4/1996 và cháu V T M T sinh ngày 25/02/1998 và cháu V S S sinh ngày 21/9/2000. Hiện nay, cả ba cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị M và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ: Chị M và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai bị đơn anh V V K trình bày:*

- Về tình cảm: Anh K đồng ý với chị M về điều kiện, thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn. Nay chị M nhất quyết ly hôn thì anh K đồng ý ly hôn

- Về con chung: Anh K đồng ý với chị M về việc hai vợ có 03 con chung là cháu Vi Thị Hồng Nhi sinh ngày 20/4/1996 và cháu Vi Thị Mai Thành sinh ngày 25/02/1998 và cháu Vi Song Sáng sinh ngày 21/9/2000. Hiện nay, cả ba cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị M và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ: Chị M và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đúng thời hạn, không có vi phạm gì; Việc xét xử tại phiên tòa đảm bảo, đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Cho chị M và anh K được ly hôn. Chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Vụ án thuộc trường hợp tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn anh V V K có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã

N M, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An do đó Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết là phù hợp theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L T M và anh V V K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N M, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An vào ngày 07/7/2004. Thời điểm kết hôn chị M và anh K đều đã đủ điều kiện kết hôn vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn chị M trình bày thì sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường cãi vã, bất đồng quan điểm, anh K nghiện ma túy, thường xuyên say xỉn, không chăm lo gia đình. Nay chị M không thể tiếp tục chung sống với anh K được nữa nên xin được ly hôn. Anh V V K cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, chị M không còn tình cảm gì với anh K và kiên quyết ly hôn anh K. Từ đó có cơ sở khẳng định, tình trạng hôn nhân của chị M và anh K đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị L T M được ly hôn với anh V V K.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có có 03 con chung là cháu Vi Thị Hồng Nhi sinh ngày 20/4/1996 và cháu Vi Thị Mai Thành sinh ngày 25/02/1998 và cháu Vi Song Sáng sinh ngày 21/9/2000. Hiện nay, cả ba cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không ai có yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L T M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0010773 ngày 21/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều

147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị L T M và anh V V K được ly hôn nhau.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết

4. Về nợ: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị L T M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0010773 ngày 21/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên toà án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án ngày 30/5/2023, bị đơn có quyền kháng cáo lên toà án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKS Tương Dương;
- UBND xã N M;
- Chi cục THADS huyện Tương Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Cường